

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép số 0001/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với thời gian hoạt động là 25 năm. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm theo Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi tắt là "NHNN") cho phép.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Ông Francis Andrew Rozario	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Ông Đào Trọng Khanh	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Ông Vũ Đức Nhuận	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Bà Vũ Thị Liên	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Thành	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Bà Chu Thị Đàm	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 02 năm 2012

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng Điều hành và Kế toán trưởng cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Atul Malik	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 05 năm 2013
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Công nghệ và Vận hành	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 04 năm 2014
Ông Trần Xuân Quảng	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2014
Bà Nguyễn Hương Loan	Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 02 năm 2014
Ông Phùng Duy Khương	Tổng Giám đốc Ngân hàng cá nhân	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 07 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng An	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 06 năm 2012
Ông Lê Quang Vu	Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại chúng	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính	Bổ nhiệm vào ngày 08 tháng 06 năm 2014
Ông Tạ Ngọc Đa	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Bổ nhiệm vào ngày 19 tháng 5 năm 2014
Ông Bùi Quyết Thắng	Giám đốc Khối Tác nghiệp Tín dụng	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 5 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Lữ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Anh Tuấn, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Ông Atul Malik - Tổng Giám đốc theo Ủy quyền số 495/2014/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2014 của Ông Trần Anh Tuấn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2014, các cổ đông chấp thuận thông qua việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông ("MDB") vào Ngân hàng.

Ngân hàng đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận phương án sáp nhập MDB vào Ngân hàng theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11/02/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

Đến ngày 9 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đã nộp tờ trình đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập MDB vào Ngân hàng lên Ngân hàng Nhà nước. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng chưa nhận được chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước về phương án sáp nhập.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành yêu cầu phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Atuf Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2014

Số tham chiếu: 60755035/17289103

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con được trình bày từ trang 06 đến trang 77, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Ngân hàng đã thực hiện xử lý nợ của Công ty Cổ phần Thuận An bằng việc chuyển đổi nợ vay thành vốn góp, thông qua đó sở hữu 60% vốn của Công ty Cổ phần Thuận An tại ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc chuyển đổi nợ vay thành vốn góp này đã được Ngân hàng báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo công văn số 709A/CV-TGD.12 ngày 18 tháng 02 năm 2014 và vẫn đang trong thời gian chờ hướng dẫn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thuận An được loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 do quyền kiểm soát của Ngân hàng mẹ chỉ là tạm thời vì công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng).

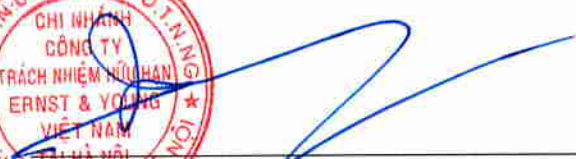
- (ii) Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 48 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Vào ngày 19 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc nhận sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông ("MDB") vào Ngân hàng. Sau đó, ngày 9 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng đã nộp tờ trình đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập MDB vào Ngân hàng lên Ngân hàng Nhà nước. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng chưa nhận được chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước về phương án sáp nhập.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 3 năm 2014. Đồng thời, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 29 tháng 8 năm 2013.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/6/2014 triệu đồng</i>	<i>31/12/2013 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.441.923	1.025.874
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	931.284	551.929
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	21.551.236	24.693.179
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.1	6.556.860	5.297.345
Cho vay các TCTD khác	7.2	15.101.966	19.581.061
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.3	(107.590)	(185.227)
Chứng khoán kinh doanh	8	156.780	129.348
Chứng khoán kinh doanh		187.436	191.543
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(30.656)	(62.195)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	19	-	48.112
Cho vay khách hàng		24.896.322	26.676.110
Cho vay khách hàng	9	25.665.485	27.409.337
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(769.163)	(733.227)
Chứng khoán đầu tư	11	34.895.178	33.375.435
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		34.572.072	32.940.694
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		570.105	506.208
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(246.999)	(71.467)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	2.270.808	2.170.808
Đầu tư vào công ty con (không hợp nhất)		100.000	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư dài hạn khác		2.172.876	2.172.876
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.068)	(2.068)
Tài sản cố định	13	802.000	847.478
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>13.1</i>	<i>239.087</i>	<i>285.971</i>
Nguyên giá tài sản cố định		462.079	491.238
Hao mòn tài sản cố định		(222.992)	(205.267)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>13.2</i>	<i>286.518</i>	<i>289.806</i>
Nguyên giá tài sản cố định		312.780	312.780
Hao mòn tài sản cố định		(26.262)	(22.974)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>13.3</i>	<i>276.395</i>	<i>271.701</i>
Nguyên giá tài sản cố định		365.030	350.144
Hao mòn tài sản cố định		(88.635)	(78.443)
Bất động sản đầu tư	15	992.692	1.003.687
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.062.948	1.062.948
Hao mòn bất động sản đầu tư		(70.256)	(59.261)
Tài sản có khác	14	21.262.033	16.592.922
Các khoản phải thu		16.501.661	12.038.513
Các khoản lãi, phí phải thu		4.858.775	4.271.776
Các khoản phải thu NSNN	23	38.536	-
Tài sản Có khác		433.750	635.523
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(570.689)	(352.890)
TỔNG TÀI SẢN		109.200.256	107.114.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/6/2014 triệu đồng</i>	<i>31/12/2013 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	45.735	644.189
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	25.679.524	24.397.983
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	7.186.019	8.483.834
Vay các TCTD khác	17.2	18.493.505	15.914.149
Tiền gửi của khách hàng	18	66.859.483	65.491.701
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	19	42.851	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	20	139.736	141.402
Phát hành giấy tờ có giá	21	2.795.000	2.795.002
Các khoản nợ khác		4.235.841	4.232.060
Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	1.630.314	1.614.709
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	23	-	51.073
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.2	2.602.192	2.550.560
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10.2	3.335	15.718
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		99.798.170	97.702.337
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD	24	8.352.676	8.352.676
Vốn điều lệ		8.000.000	8.000.000
Vốn đầu tư XDCB		607	607
Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
Cổ phiếu quỹ		(47.931)	(47.931)
Quỹ của TCTD	24	468.256	511.172
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(44.041)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	24	625.195	548.697
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.402.086	9.412.545
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		109.200.256	107.114.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/6/2014</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2013</i> <i>triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Cam kết bảo lãnh		1.205.110	1.529.725
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.272.134	812.685
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh		(187.713)	(121.812)
	41	2.289.531	2.220.598

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Kế toán viên

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Lữ
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Atul Malik
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 triệu đồng	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 trình bày lại triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	4.304.794	4.404.194
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(3.292.306)	(3.445.942)
Thu nhập lãi thuần		1.012.488	958.252
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		76.533	63.158
Chi phí hoạt động dịch vụ		(55.461)	(78.294)
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	29	21.072	(15.136)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	25.393	69.270
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	7.394	7.594
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	240.456	551.718
Thu nhập từ hoạt động khác		454.634	56.885
Chi phí hoạt động khác		(63.761)	(219.171)
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động khác	33	390.873	(162.286)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	2.817	31.275
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.700.493	1.440.687
Chi phí nhân viên		(311.168)	(313.904)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(59.792)	(63.872)
Chi phí hoạt động khác		(308.443)	(594.471)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(679.403)	(972.247)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.021.090	468.440
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(1.397.806)	(591.398)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	37	475.271	376.649
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		98.555	253.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(22.045)	(68.231)
Chi phí thuế TNDN		(22.045)	(68.231)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		76.510	185.459
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	25	96	234

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Ông Atul Malik
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2014